

MÃ CHỨNG KHOÁN: TCR

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
TAICERA ENTERPRISE COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016

Năm 2016

MỤC LỤC

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	12
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15
BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	44
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	46
THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	47
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	49
THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC.....	50
CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG.....	51

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera là 01 (một) trong 06 (sáu) Công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận cho chuyển đổi thành Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và sản phẩm sứ; xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
- Tên giao dịch đối ngoại: TAICERA ENTERPRISE COMPANY
- Tên viết tắt: TAICERA
- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (84.613) 841 594 - 841 597 Fax: (84.613) 841 598 - 841 592
- Email: tcr@hcm.vnn.vn Website: <http://www.taicera.com>
- Nhãn hiệu thương mại:



- Vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ Công ty: 454.328.360.000 (Bốn trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera được thành lập năm 1994 do 20 cổ đông người Đài Loan thành lập theo Giấy phép 764/GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, nay là Bộ kế hoạch và đầu tư cấp ngày 11/1/1994. Tổng vốn đầu tư ban đầu là USD19,500,000, trong đó vốn pháp định là USD 8,500,000. Thời gian hoạt động đăng ký là 30 năm. Chức năng hoạt động là sản xuất gạch thạch anh, gạch men và các sản phẩm sứ. Trụ sở nhà máy đặt tại Khu công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Nhận thấy những thay đổi tích cực trong môi trường kinh doanh tại Việt nam, Công ty đã liên tục mở thêm chi nhánh ở các thành phố, địa bàn trọng điểm; tăng thời hạn hoạt động lên 50 năm và điều chỉnh tăng vốn đầu tư để mở rộng thêm dây chuyền sản xuất và bổ sung chức năng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

hoạt động. Đến nay, Taicera đã có 06 chi nhánh tại Tp HCM, Tp Hà Nội, Tp Đà Nẵng, Tp Cần Thơ, Tp Nha Trang và Tp Hải Phòng nhằm hỗ trợ việc phân phối sản phẩm tới các địa bàn lân cận. Cụ thể như sau:

- Miền Nam: chi nhánh Tp Hồ Chí Minh phân phối sản phẩm cho Tp Hồ Chí Minh, Thủ Đức, Biên Hòa, Đồng Nai v.v...
- Miền Tây Nam Bộ: chi nhánh tại Cần Thơ cung cấp sản phẩm cho Cần Thơ và các tỉnh Long An, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu v.v...
- Miền Bắc: chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng phân phối cho Hà Nội và các tỉnh lân cận Hà Giang, Thanh Hóa, Hải Phòng, Hải Dương, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Hà, Lai Châu, Vĩnh Phúc, Thái Bình v.v...

Miền Trung: Công ty thành lập 2 chi nhánh tại Đà Nẵng và Nha Trang để phân phối sản phẩm cho Đà Nẵng, Nha Trang và các tỉnh Quy Nhơn, Gia Lai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Lạt, Bảo Lộc, Buôn Ma Thuột, Phan Rang, Phan Thiết v.v...

Bên cạnh thị trường nội địa, sản phẩm gạch của Taicera đã bắt đầu thâm nhập thị trường nước ngoài từ năm 1998 với 2 thị trường Campuchia, Miến Điện; năm 1999 thêm thị trường Malaysia, Singapore; năm 2000 thêm Philippines; năm 2001 phát triển thêm thị trường Hàn Quốc và Đài Loan; năm 2002 sản phẩm đã đến Úc và Nhật Bản. Năm 2006, 2007 và 2008, 2009 tỷ trọng sản lượng xuất khẩu của Công ty chiếm lần lượt là 61%; 74%; 56% và 52% tổng sản lượng tiêu thụ.

Vốn đầu tư của Công ty liên tục tăng, từ 19,500,000 USD năm 1994 tăng lên 39,500,000 USD vào năm 1997; 49,500,000 USD năm 2000 và 66,166,667 USD năm 2005. Vốn pháp định tương ứng qua các năm là 8,500,000 USD; 11,850,000 USD; 14,850,000 USD và 19,850,000 USD.

Trải qua hơn 10 năm phát triển, Taicera đã xây dựng thành công một mô hình doanh nghiệp bằng sự kết hợp hài hòa giữa kỹ năng, trình độ quản lý của Đài Loan với văn hóa, con người và môi trường Việt Nam. Điểm căn bản tạo nên nền tảng chuyên nghiệp của mô hình này chính là ở sự đầu tư cơ bản về hệ thống quản lý và những chính sách nhân sự, tài chính linh hoạt và hiệu quả.

Ngày 15/4/2003, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 38 cho phép các công ty có vốn đầu tư nước ngoài được chuyển sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Taicera nhận thấy đây là một cơ hội tốt để tạo kênh huy động vốn mới, đa dạng hóa hình thức đầu tư, tạo cho các tổ chức và cá nhân có cơ hội mua lại cổ phần của Công ty. Việc chuyển đổi cũng làm thay đổi số lượng chủ sở hữu doanh nghiệp, tạo điều kiện cho Công ty cải tạo cơ cấu tài chính, tăng tỷ lệ huy động vốn từ các cổ đông, tự do hơn trong việc huy động vốn để mở

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

rộng quy mô sản xuất, giúp thay đổi tỷ lệ giữa vốn pháp định và vốn vay, tránh những điều ràng buộc khi phải vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng.

Công ty đã nộp Hồ sơ xin chuyển đổi lên Bộ kế hoạch và Đầu tư và chính thức được chấp thuận chuyển thành công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài vào ngày 09/08/2005 theo Giấy phép số 764-CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với giá trị vốn điều lệ là 250.05 tỷ đồng với 29 cổ đông góp vốn.

Ngày 08/11/2006, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 65/UBCK-ĐKPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 5,000,000 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 250.05 lên 300.05 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn hoàn tất vào ngày 19/12/2006 với tổng số phát hành là 4,969,000 cổ phần.

Ngày 06/06/2007, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 753/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 3,596,831 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 299.7 tỷ lên 335.7 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 23/07/2007 với tổng số phát hành là 3,596,831 cổ phần.

Ngày 09/07/2008, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 1362/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 2,014,220 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 335.7 tỷ lên 355.8 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 04/9/2008 với tổng số phát hành là 2,014,220 cổ phần.

Ngày 25/5/2009, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,423,352 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2008, tăng vốn điều lệ từ 355.8 tỷ lên 370 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 28/9/2009 với tổng số phát hành là 1,423,352 cổ phần.

Ngày 25/5/2010, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,480,246 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 370 tỷ lên 384.88 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 01/8/2010 với tổng số phát hành là 1,480,246 cổ phần.

Ngày 25/5/2011, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 2,309,117 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2010, tăng vốn điều lệ từ 385 tỷ lên 407.97 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 20/07/2011 với tổng số phát hành là 2,309,117 cổ phần.

Ngày 18/5/2012, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 2,447,587 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2011, tăng vốn điều lệ từ 408 tỷ lên 432.45 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 30/08/2012 với tổng số phát hành là 2,447,587 cổ phần.

Ngày 13/6/2013, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,297,181 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2012, tăng vốn điều lệ từ 432 tỷ lên 445 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 22/7/2013 với tổng số phát hành là 1,297,181 cổ phần.

Ngày 23/6/2016, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 790,708 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2015, tăng vốn điều lệ từ 445 tỷ lên 454 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 01/08/2016 với tổng số phát hành là 790,708 cổ phần.

2. Quá trình phát triển

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất gạch thạch anh phân quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

2.2 Tình hình hoạt động

2.2.1 Sản lượng sản phẩm

Hiện nay, Công ty đang cung cấp hai dòng sản phẩm chính là gạch men và gạch thạch anh.

- Gạch men, bao gồm: gạch ốp tường, gạch lát nền với các quy cách 20*20; 20*25; 20*30; 25*25; 25*33; 25*40; 30*30; 30*45; 40*40; 50*50; 60*60; 80*80; 100*100 gạch viền và điềm, gạch tranh, gạch cắt thủy lực (Đơn vị tính: cm).

Gạch thạch anh (gạch granite) là loại gạch lát nền với các quy cách 20*20; 20*27; 30 thạch anh; 30 bóng kiếng; 40 thạch anh; 40 bóng kiếng; 50 bóng kiếng; 60 bóng kiếng; 80 bóng kiếng; 100 bóng kiếng; gạch cắt nước, gạch cầu thang và chân tường (Đơn vị tính: cm).

2.2.2 Nguyên vật liệu

a. Các nguyên vật liệu chính

- Thổ liệu: Chủ yếu là trường thạch, cát, thổ 3 loại.
- Men liệu: Chủ yếu là men lót, men mặt, men in 3 loại.
- Phụ gia: Chất giải keo, chất tăng độ cứng, chất cố định.

b. Nguồn nguyên vật liệu

- Thổ liệu: chủ yếu tại Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc
- Men liệu: chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam
- Phụ gia: Chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan

c. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Chính phủ nâng cao thuế nhập khẩu nguyên liệu, do đó công ty tăng cường khai thác sử dụng nguyên liệu trong nước. Tuy nhiên, cho đến nay chính sách của Trung Quốc và Việt Nam vẫn chưa có sự thay đổi lớn, nên sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên liệu không bị ảnh hưởng đáng kể.

d. Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguồn nguyên liệu

Công ty không ngừng tìm các nhà cung ứng với giá cả không cao từ Trung Quốc và Việt Nam, và tích cực cải tiến công thức phối liệu gạch thay thế bằng những nguyên liệu giá cả rẻ, nhằm mục đích hạn chế tăng giá thành sản xuất

2.2.3 Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

2.2.4 Trình độ công nghệ

▪ *Trình độ công nghệ*

Các dây chuyền sản xuất của Taicera được đầu tư với công nghệ của Italia hiện đại nhất tại Việt Nam.

Công ty đã thiết lập xưởng sản xuất tại Khu công nghiệp Gò Dầu rất thuận lợi về khuyến khích đầu tư và chiến lược quản lý chi phí lâu dài. Hiện Công ty có 3 xưởng sản xuất và 1 xưởng gia công tăng giá trị:

- Xưởng 1 gồm 2 dây chuyền sản xuất gạch men được đầu tư năm 1995 với chức năng sản xuất gạch men.
- Xưởng 2 gồm 2 dây chuyền sản xuất, được đầu tư năm 1999 và 2001 với chức năng sản xuất cả gạch men và thạch anh.
- Xưởng 3 gồm 3 dây chuyền sản xuất gạch thạch anh mài bóng trên diện tích đất đã thuê 6,8 ha với Công ty Sonadezi Biên Hòa ngày 01/09/2004.
- Xưởng gia công gồm 5 dây chuyền mài với chức năng gia công sản phẩm.

▪ **Công suất hoạt động hiện nay của nhà máy**

Công suất hoạt động của nhà máy hiện nay trung bình là 30.000 m²/ngày tùy thuộc vào loại gạch được sản xuất.

▪ **Kế hoạch nâng cao năng lực sản xuất**

Công ty đã tìm hiểu qui hoạch tổng thể của Chính phủ Việt Nam về xây dựng và giao thông, chẳng hạn như dự án xây dựng 3 đường vành đai ở Sài Gòn. Nhìn từ xu thế của Việt Nam hiện nay, sản phẩm cao cấp sẽ là trào lưu chủ yếu trong tương lai ở thị trường này.

2.2.5 *Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là lâu dài nhằm thỏa mãn thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, tích cực nghiên cứu những ưu việt của sản phẩm nhằm mang đến cho khách hàng sự lựa chọn phong phú. Việc nghiên cứu phát triển tại Công ty luôn được quan tâm thực hiện.

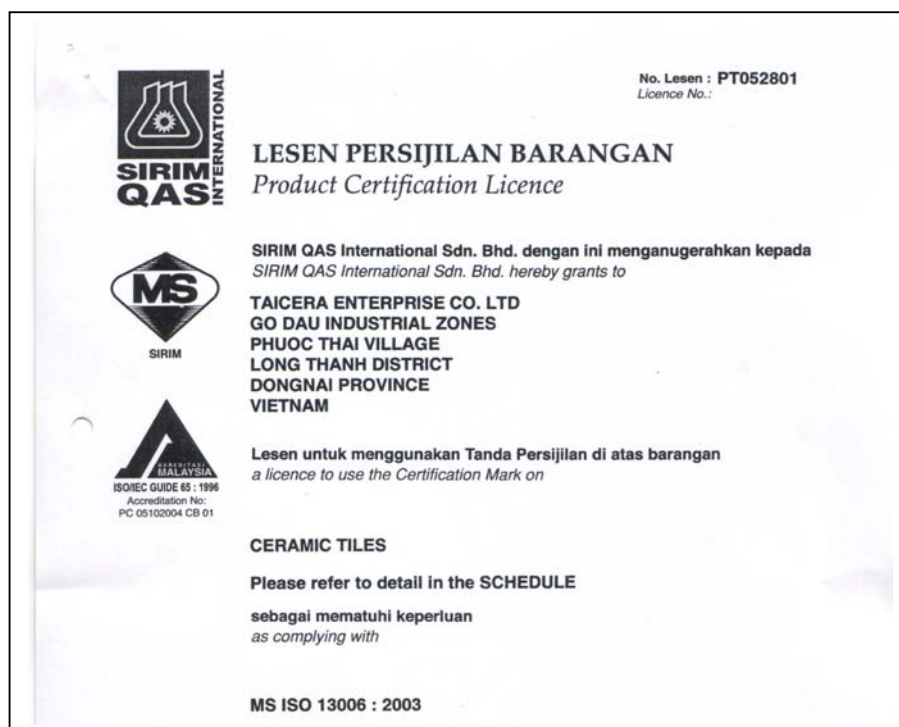
Biện pháp nâng cao chất lượng:

- Tự kiểm tra, khống chế chất lượng trong quá trình sản xuất.
- Thực hiện theo hệ thống chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh để sản phẩm đạt đến tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

2.2.6 *Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm*

Các chứng chỉ và hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm :

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 06/07/2000 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2003, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 11/03/2005 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.



2.2.7 *Hoạt động Marketing*

Sản phẩm

Chiến lược sản phẩm của công ty trong tương lai sẽ được chú trọng như sau:

a. Sản phẩm chính:

- Các sản phẩm mài bóng: 100x100, 80x80, 60x60, 40x40 (bao gồm gạch nhiều ống, hạt mịn, in thắm v.v...).
- Sản phẩm gạch thạch anh: 40x40, 30x30 (bao gồm gạch men thường, hạt mè v.v...).
- Các sản phẩm gạch giả cổ: 60x30, 30x30, 40x40.
- Các sản phẩm phát minh mới: 80x80, 60x60, 40x40.

b. Sản phẩm phối hợp:

- Các sản phẩm gạch men ốp tường: 20x30, 20x25, 25x33, 30x45.
- Các sản phẩm gạch men lát nền: 20x20, 25x25, 30x30, 40x40.
- Sản phẩm gạch viền gia công: gia công gạch viền, gạch chân tường, gạch cầu thang, gạch cắt thủy lực.

Phân phối

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Cụ thể, Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Như vậy, sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

- Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia v.v...
- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

2.2.8 *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền*

a. Nhãn hiệu Taicera

- Giấy Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 16917 ngày 31/05/1995 và quyết định gia hạn số A 7158/QĐ- ĐK ngày 04 /10/2004 do Cục Sở hữu Công nghiệp – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp.

- Thời hạn bảo hộ: từ ngày 28/10/1994 đến ngày 28/10/2014

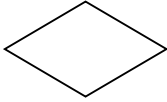
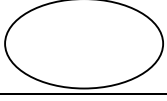

b. Nội dung bảo hộ:

- Mẫu nhãn hiệu thương hiệu:



Hình 8: *Nhãn hiệu Taicera*

- Màu sắc nhãn hiệu: đỏ, trắng
- Ý nghĩa:

Biểu tượng	Định nghĩa thực thể	Định nghĩa logic
	Thể hiện hình gạch men	Bên trong hình vuông, thể hiện tính nguyên tắc
	Thể hiện hình địa cầu	Bên ngoài tròn, thể hiện sự thông thoáng, toàn vẹn
	Thể hiện mặt địa cầu	Vững vàng, không thay đổi, làm vừa lòng khách hàng
TAICERA	Tên Công ty	Tên viết tắt: TCR - T: Trust (Uy tín) - C: Classic (Chất lượng) - R: Revolutions (Sáng tạo)

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**TỔNG KẾT CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016****1. Bảng Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2016 của công ty cụ thể như sau:****Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2015-2016***Đơn vị tính: m²*

Năm	2015		2016	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Lượng tiêu thụ	6.476.834	6.473.801	6.083.607	3.792.897
Tỷ trọng(%)	50,1%	49,9%	61,6%	38,4%
Lượng tiêu thụ cả năm	12.950.635		9.876.504	
Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm(%)			-23,7%	

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2015-2016*Đơn vị tính: VND*

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu bán hàng	2.099.968.762.501	1.559.918.025.571
Các khoản giảm trừ	36.455.191.195	24.564.356.773
Doanh thu thuần về bán hàng	2.063.513.571.306	1.535.353.668.798
Giá vốn hàng bán	1.649.024.332.698	1.209.286.000.290
Lợi nhuận gộp về bán hàng	414.489.238.608	326.067.668.508
Lợi nhuận thuần trước thuế	42.022.499.978	36.456.325.307
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	748.007.308	6.838.618.062
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	7.124.895	(6.874.946)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	41.267.367.775	29.627.582.191
Lợi nhuận thuần sau thuế (cty mẹ)/ doanh thu thuần	1,99%	1,93%

Nhìn từ bảng số liệu trên, chúng ta có thể thấy được sản lượng tiêu thụ của công ty trong năm 2016 là **9.876.504m²**, giảm 23,7% so với năm 2015, doanh thu bán hàng đạt **1.559,9** tỷ đồng, giảm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

25,7% so với năm 2015, tỷ lệ trong nước và xuất khẩu lần lượt đạt khoảng **62%** và **38%**, theo đó lượng xuất khẩu đã giảm đáng kể.

Nguyên nhân chủ yếu khiến lượng bán hàng xuất khẩu giảm xuống là do một số quốc gia có lượng xuất khẩu tương đối lớn như Brazil, Argentina, Châu Âu và Đài Loan, v.v... chịu ảnh hưởng bởi nền kinh tế và chính trị của các nước này, dẫn đến lượng tiêu thụ gạch men giảm xuống, cộng thêm tình hình bán phá giá của Ấn Độ và vấn đề tỷ giá đồng đôla Mỹ, làm cho thị trường xuất khẩu suy giảm không ít, song song đó thị trường ngành xây dựng trong nước Việt Nam tương đối ổn định, khách hàng trong và ngoài nước đều rất có niềm tin đối với chất lượng sản phẩm cũng như cung cách phục vụ của Taicera, về mặt kinh doanh công ty cũng không ngừng mở rộng địa điểm khu vực bán hàng và các kênh tiêu thụ, do đó tuy rằng lượng tiêu thụ trong năm 2016 của công ty có suy giảm, nhưng vẫn có thể đạt được mục tiêu là công ty có lợi nhuận.

Trong năm 2016, giá thành sản xuất bao gồm các chi phí như điện, nước, lương nhân công, chi phí nguyên liệu đều gia tăng, tuy nhiên, công ty đã cố gắng nỗ lực trong việc tiết giảm chi phí giá thành thông qua việc kiểm soát các chi phí điện, nước, lương nhân công, nguyên vật liệu một cách có hiệu quả, bên cạnh đó tiếp tục cải tiến lưu trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, mặt khác giá nhiên liệu Thế giới là khí gas không còn tăng thêm, những nhân tố trên đã giúp cho hiệu suất hoạt động kinh doanh nhìn chung trong năm 2016 vẫn đạt được lợi nhuận.

3. Kết luận

Tổng kết tình hình năm 2016, công ty tuy phải đối mặt rất nhiều thách thức, nhưng bằng các chính sách kế hoạch tiết giảm chi phí cũng như sự nỗ lực hợp tác của toàn thể nhân viên, công ty đã trải qua năm 2016 một cách thuận lợi và đạt lợi nhuận.

TM.Hội đồng quản trị
Chủ tịch



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH DỰ KIẾN ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

KINH DOANH NĂM 2017

Năm 2016 vừa qua, môi trường bên ngoài biến đổi nhanh chóng, có thể thấy rõ tình hình kinh tế Thế giới năm 2017 cũng tương đối bất ổn, theo đó Công ty sẽ tận dụng những nền tảng ưu việt sẵn có dưới đây:

Công ty thành lập	: năm 1994
Vốn đầu tư	: 30,000,000 USD
Diện tích đất công ty	: 280,000m ²
Niêm yết trên sàn chứng khoán	: Tháng 12/2006
Mã chứng khoán	: TCR
Hợp tác với Keraben	: Tháng 01/2010
Sáng lập nhãn hiệu TKG	: Tháng 01/2010
Số lượng công nhân viên	: khoảng 1,200 người
Loại hình sản phẩm	: Gốm sứ & gạch men
Tỷ lệ xuất khẩu	: 50%
Quốc gia xuất khẩu	: hơn 50 nước
Chi nhánh trực thuộc	: 7 chi nhánh

Những nhân tố trên đã trở thành nền tảng vững chắc cho công ty tiếp tục không ngừng phát triển theo hướng nghiên cứu, đổi mới, thương hiệu, kênh tiêu thụ, v.v....Tốc độ phát triển của ngành gạch men Việt Nam rất nhanh, Taicera là nhà cung ứng dẫn đầu, rất nhiều nhà cung ứng khác đều sẽ mô phỏng sản phẩm của Taicera, chúng tôi liên tục đổi mới thì sẽ không lo ngại người khác mô phỏng, và khách hàng cũng sẽ rất sẵn lòng hợp tác đồng hành cùng công ty vì sản phẩm chúng tôi luôn luôn không ngừng sáng tạo đổi mới, cũng như không ngừng nghiên cứu khai thác sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị hiếu Quốc tế.

Sản lượng các công ty gạch men tại Việt Nam đứng thứ 7 trên toàn Thế giới, do thị trường cạnh tranh khốc liệt, chất lượng sản phẩm của các công ty cùng ngành cũng không ngừng nâng cao, điều đó đã khiến cho Taicera có cơ hội tận dụng lợi thế sẵn có của mình là thương hiệu và kênh tiêu thụ, đi tìm kiếm đối tác phù hợp sản xuất gia công, con đường phát triển trong tương lai của Taicera chính là nghiên cứu, đổi mới, thương hiệu, kênh tiêu thụ và tìm kiếm đối tác phối hợp sản xuất và gia công, do đó một trong những mục tiêu trong năm 2017 của chúng tôi là tăng cường

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

củng cố đội ngũ quản lý chất lượng sản phẩm (đội ngũ QC) của Taicera, kiểm soát chặt chẽ đối với sản phẩm ủy thác sản xuất và gia công bên ngoài.

Dự án công trình có tên là Công ty TNHH Phát triển Taicera với diện tích hai héc-ta đặt tại Quận 2 được góp vốn giữa chúng tôi và công ty có vốn đầu tư nước ngoài **Smart Link** đã bắt đầu khởi công xây dựng vào tháng 03 vừa qua, trong đó Taicera góp vốn cổ phần 51%, vị trí địa lý nơi đây rất gần cảng Cát Lái, công ty Phát triển Taicera được thành lập vào năm 2010, chúng tôi sở hữu miếng đất này trước khi cầu Phú Mỹ được khai thông, với chi phí giá thành tương đối rẻ, mục đích chính của dự án công trình này sẽ dùng để xây kho xuất hàng của Taicera, Showroom trưng bày sản phẩm, ngoài ra cũng có thể làm trung tâm điều hành bất động sản, văn phòng giao dịch, cho thuê lại, hoặc hợp tác góp vốn đầu tư với công ty có tiềm năng.

Phương diện kinh doanh

Tình hình xuất khẩu phải đối mặt trong năm 2017 sẽ giống như năm 2016, nền kinh tế các nước đều không mấy khả quan, cộng thêm ảnh hưởng về mặt tỷ giá của đồng đô-la Mỹ, khiến cho thị trường xuất khẩu tiếp tục suy giảm, tuy rằng tình hình thị trường xuất khẩu không được khả quan nhưng công ty vẫn sẽ không ngừng tìm kiếm cũng như khai thác thị trường mới. Hàng năm, công ty đều có tham gia cuộc triển lãm gạch với quy mô lớn nhất Thế giới được tổ chức ở Italy, các công ty, nhà cung ứng muốn tham gia cuộc triển lãm gạch nói trên đều phải đáp ứng điều kiện về quy mô, tầm nhìn thương hiệu, đặc biệt là chất lượng sản phẩm và việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phải phù hợp tiêu chuẩn Quốc tế, bên cạnh đó chúng tôi đã cùng nhau giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với khách hàng trên toàn Thế giới tại buổi triển lãm này, từ đó tìm hiểu về xu hướng sắp tới của ngành công nghiệp gạch men trong tương lai, chúng tôi cần phải khai thác phát triển những loại sản phẩm nào và chất lượng ra sao mới có thể đáp ứng nhu cầu của khách hàng, công ty đã nỗ lực để gia tăng lượng xuất khẩu bằng nhiều biện pháp.

Đối với thị trường trong nước, bên cạnh thương hiệu Taicera, công ty tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị kinh doanh cho nhãn hiệu TKG cũng như kênh bán hàng tiêu thụ của công ty **Taicera-Keraben**, cũng như tiếp tục đào thải cái cũ, tiếp nhận đổi mới, sửa sang hoàn thiện phòng trưng bày sản phẩm của các chi nhánh và cửa hàng đại lý trong nước, mở rộng kênh bán hàng kinh doanh của công ty nhằm gia tăng lượng tiêu thụ trong nước.

Về mặt sản xuất

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Khả năng nghiên cứu và phát triển của Keraben - nhà sản xuất tốt nhất Tây Ban Nha cũng là đối tác liên doanh với công ty chúng tôi tương đối mạnh mẽ, cùng với sự kết hợp các nhân tố như nguồn nguyên liệu từ Việt Nam, máy móc thiết bị sẵn có của Taicera, hệ thống quản lý Nhà Máy, v.vv... họ có thể nghiên cứu khai thác được sản phẩm đáp ứng theo nhu cầu khách hàng. Để giảm thiểu chi phí giá thành sản xuất cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm, trong năm 2017 công ty sẽ tiếp tục đổi mới và tăng thêm một số máy móc thiết bị, mục đích chính là để giúp cho hoạt động vận hành của dây chuyền sản xuất được thuận lợi hơn nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị phụ trội của sản phẩm cũng như làm tăng sức cạnh tranh của sản phẩm.

Bên cạnh đó, công ty sẽ ủy thác gia công bên ngoài đối với những sản phẩm có giá trị kèm theo tương đối thấp, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất của công ty, để giúp công ty trở thành một trong những nhà cung ứng gạch có sức cạnh tranh nhất Thế giới.

Kết luận

Dự kiến trong năm 2017, thị trường tiêu thụ trong nước sẽ tốt hơn so với thị trường tiêu thụ xuất khẩu, công ty thực hiện việc kiểm soát chi phí giá thành hiệu quả cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời tiếp tục gia tăng lượng tiêu thụ bằng nhiều biện pháp, chúng tôi tin tưởng rằng trong năm 2017 này với thái độ tích cực lạc quan, công ty sẽ đạt được mục tiêu như mong muốn..

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

TM.Hội đồng quản trị
Chủ tịch



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng NaiBáo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

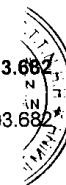
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		794.309.558.118	959.749.525.712
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		127.788.041.201	202.750.847.850
111	1. Tiền	03	127.788.041.201	202.750.847.850
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04	11.000.000.000	
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.000.000.000	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		162.598.822.238	193.586.820.750
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	133.431.135.218	150.658.262.556
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.435.463.733	20.829.240.907
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	06	26.481.124.228	25.841.388.405
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	07	(3.771.900.941)	(3.742.071.113)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		23.000.000	
140	IV. Hàng tồn kho	08	463.793.713.660	511.670.594.293
141	1. Hàng tồn kho		465.447.778.591	513.395.032.300
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.654.064.931)	(1.724.438.007)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29.128.981.019	51.741.262.819
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	22.128.578.826	21.705.977.123
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.940.448.406	26.154.098.163
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.059.953.787	3.881.187.533
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		491.980.829.461	590.917.641.889
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.332.824.456	8.310.036.696
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	06	3.332.824.456	8.310.036.696
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

31/12/2016
CÔNG TY
PHIÊN HỮU
VỤ TỰ
KẾ T
TOÁN
HÀ NAM
T.P.HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
220	II. Tài sản cố định		477.476.292.662	558.140.637.560
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	474.467.289.792	554.572.075.438
222	- Nguyên giá		1.619.352.790.408	1.598.638.546.216
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.144.885.500.616)	(1.044.066.470.778)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	3.009.002.870	3.568.562.122
228	- Nguyên giá		4.495.205.069	4.495.205.069
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.486.202.199)	(926.642.947)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.467.876.183	9.122.603.682
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.467.876.183	9.122.603.682
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.703.836.160	15.344.363.951
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.703.836.160	15.344.363.951
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.286.290.387.579	1.550.667.167.601

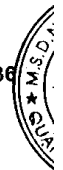


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		619.550.870.273	901.175.898.164
310	I. Nợ ngắn hạn		612.692.688.394	883.278.476.928
311	1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	14	207.963.185.426	254.076.858.854
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		17.857.477.419	16.330.457.129
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	410.251.305	761.755.846
314	4. Phải trả người lao động		16.487.474.467	18.560.662.489
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	26.795.926.849	27.143.116.174
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.507.954.021	2.718.166.440
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	339.670.418.907	563.687.459.996
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		6.858.181.879	17.897.421.236
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	17	168.000.000	167.999.999
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	6.690.181.879	17.729.421.237
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



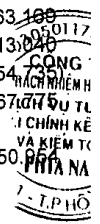
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA
 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		666.739.517.306	649.491.269.437
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	666.739.517.306	649.491.269.437
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		454.328.360.000	445.421.280.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		454.328.360.000	445.421.280.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.520.960.000	86.520.960.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ		(76.714.400)	(67.240.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		45.813.008.047	50.903.342.274
419	9. Quỹ hỗ trợ xấp xỉ doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		12.417.366.898	12.600.263.100
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.571.160.753	33.170.413.040
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		14.943.578.562	(8.096.954.731)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		29.627.582.191	41.267.367.775
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		23.165.376.008	20.942.250.961
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.286.290.387.579	1.550.667.167.601



Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2017
 Tổng Giám Đốc

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan



Chen Cheng Jen

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.559.918.025.571	2.099.968.762.501
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	24.564.356.773	36.455.191.195
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.535.353.668.798	2.063.513.571.306
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.209.286.000.290	1.649.024.332.698
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		326.067.668.508	414.489.238.608
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.629.804.074	21.346.647.314
22	7. Chi phí tài chính	25	37.887.355.027	80.684.785.670
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		22.733.535.891	30.432.517.884
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	26	159.868.373.541	192.657.278.210
25	9. Chi phí bán hàng	27	114.214.030.862	124.371.204.497
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26.727.713.152	38.122.617.545
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.728.612.155	3.899.882.433
31	12. Thu nhập khác	28	10.467.858.198	4.905.375.427
32	13. Chi phí khác	29	739.246.043	1.005.493.294
40	14. Lợi nhuận khác		36.456.325.307	42.022.499.978
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.835.618.062	748.007.308
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	6.835.618.062	748.007.308
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29.620.707.245	41.274.492.670
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		29.627.582.191	41.267.367.775
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(6.874.946)	7.124.895
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	652	927
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP
GÓM SỨ
TAICERA
HỒNG THẠNH - ĐỒNG NAI



Chen Cheng Jen

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		36.456.325.307	42.022.499.978
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		101.378.589.090	118.149.306.233
03	2. Các khoản dự phòng		(40.543.248)	2.124.008.859
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.115.605.431	430.966.667
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(807.636.622)	(572.030.186)
06	5. Chi phí lãi vay		22.733.535.891	30.432.517.884
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		161.835.875.849	192.587.269.435
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		52.192.649.937	54.925.194.537
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		47.947.253.709	(56.186.936.299)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(51.345.428.089)	(51.398.574.365)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		7.217.926.088	10.173.072.032
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.163.704.002)	(30.828.428.780)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.017.728.074)	(27.621.401)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.207.212.240	10.257.376.250
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.706.354.176)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		191.167.703.482	129.501.351.410
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(15.059.516.693)	(28.094.956.725)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		807.636.622	593.592.686
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.251.880.071)	(27.501.364.039)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(9.474.400)	
33	3. Tiền thu từ đi vay		798.465.095.199	1.025.677.764.550
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.033.521.375.646)	(1.104.208.929.932)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.795.076.012)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(241.860.830.859)	(78.531.165.382)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(75.945.007.448)	23.468.821.850
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		202.750.847.850	179.005.714.850
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		982.200.799	276.300.000
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	127.788.041.201	202.750.847.850

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Cheng Jen

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.
Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.
Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.
Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3, mã số doanh nghiệp 3600254001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 8 năm 2016; Và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ mười sáu, mã số dự án 4336586377, do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 08 tháng 4 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 454.328.360.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

1.3 Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất, mua bán gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

1.5 Cấu trúc Nhóm Công ty

Tổng số Công ty con: 02

- Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02
- Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

- Tên công ty : Công ty TNHH Phát Triển Taicera
Địa chỉ : Lô C2, Đường K1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. HCM
Vốn điều lệ : 26.375.659.400 VND
Tỷ lệ lợi ích : 51,00%
Tỷ lệ biểu quyết : 51,00%
- Tên công ty : Công ty TNHH Taicera Keraben
Địa chỉ : 400 Nguyễn Thị Thập - Phường Tân Quy - Quận 7 - TP. HCM
Vốn điều lệ : 14.482.440.000 VND
Tỷ lệ lợi ích : 51,00%
Tỷ lệ biểu quyết : 51,00%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2016

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2016

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

0117;
CÔNG T
NHIỆM
VỤ T
NH KẾ
KIỂM T
IA NA
P HC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
- Máy móc, thiết bị	10% - 16%
- Phương tiện vận tải	10%
- Thiết bị công cụ quản lý	12,5%

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

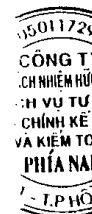
Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	3.104.029.790	1.878.778.523
Tiền gửi ngân hàng	124.684.011.411	200.872.069.327
Cộng	127.788.041.201	202.750.847.850

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tổng giá trị trái phiếu	11.000.000.000	11.000.000.000		
+ Ngân hàng Vietcombank	11.000.000.000	11.000.000.000		
Cộng	11.000.000.000	11.000.000.000	-	

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
- Cecrisa Revestimentos Ceramico		13.428.328.146
- White Horse Ceramic Co.,LTD	4.272.073.560	15.738.404.395
- Cebu Oversea Hardware	15.341.427.624	6.974.758.151
- Công ty Cổ phần Hanel Mirolin	5.835.087.861	9.367.309.126
- Các đối tượng khác	107.982.546.173	105.149.462.768
Cộng	133.431.135.218	150.658.262.556

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
6.1 Ngắn hạn	26.481.124.228	25.841.388.405
- Tạm ứng cho nhân viên	889.707.122	1.044.163.269
- Ký cược, ký quỹ	85.400.000	64.950.000
- Phải thu về Bảo hiểm xã hội		1.293.600
- Phải thu khác	25.506.017.106	24.730.981.536
+ Phải thu lại tiền thuế TNCN trả thay cho nhân viên	321.120.000	540.000.000
+ Trợ cấp thôi việc	2.843.746.583	3.096.966.416
+ Phải thu Công ty Phát triển nhà Quận 2 (ứng trước tiền thuê đất)	21.587.648.620	19.885.209.420
+ Khác	753.501.903	1.208.805.700
6.2 Dài hạn	3.332.824.456	8.310.036.696
- Ký cược, ký quỹ	3.332.824.456	8.310.036.696
Cộng	29.813.948.684	34.151.425.101

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

7. NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng				
- In Termak Projelendirme Makina	2.421.542.950		2.391.713.122	
- Các đối tượng khác	1.350.357.991		1.350.357.991	
Cộng	3.771.900.941	-	3.742.071.113	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá gốc	Dự Phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	145.730.759.669		146.937.796.101	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.561.525.210		24.588.839.842	
- Thành phẩm	298.155.493.712	1.654.064.931	341.868.396.357	1.724.438.007
Cộng giá gốc hàng tồn kho	465.447.778.591	1.654.064.931	513.395.032.300	1.724.438.007

CO
★
M.S.O.

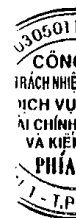
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SÚ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2016

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH		Đơn vị tính: VND				
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	309.446.119.357	1.181.725.634.106	32.863.191.808	6.211.673.025	68.391.927.920	1.598.638.546.216
2. Số tăng trong kỳ		19.753.444.874	648.997.909	31.801.409	280.000.000	20.714.244.192
- Mua sắm mới		19.753.444.874	648.997.909	31.801.409	280.000.000	20.714.244.192
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
4. Số dư cuối kỳ	309.446.119.357	1.201.479.078.980	33.512.189.717	6.243.474.434	68.671.927.920	1.619.352.790.408
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	122.199.243.093	844.671.395.903	22.616.250.511	4.491.816.740	50.087.764.531	1.044.066.470.778
2. Số tăng trong kỳ	12.357.742.675	80.640.283.125	2.307.304.724	637.238.746	4.876.460.568	100.819.029.838
- Khấu hao trong kỳ	12.357.742.675	80.640.283.125	2.307.304.724	637.238.746	4.876.460.568	100.819.029.838
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
4. Số dư cuối kỳ	134.556.985.768	925.311.679.028	24.923.555.235	5.129.055.486	54.964.225.099	1.144.885.500.616
III. Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	187.246.876.264	337.054.238.203	10.246.941.297	1.719.856.285	18.304.163.389	554.572.075.438
Tại ngày cuối kỳ	174.889.133.589	276.167.399.952	8.588.634.482	1.114.418.948	13.707.702.821	474.467.289.792

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 228.422.457.657 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 599.562.457.335 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu kỳ		4.495.205.069	4.495.205.069
Số tăng trong kỳ			
- Mua trong kỳ			
Số dư cuối kỳ		4.495.205.069	4.495.205.069
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ		926.642.947	926.642.947
Khấu hao trong kỳ		559.559.252	559.559.252
Số dư cuối kỳ		1.486.202.199	1.486.202.199
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu kỳ		3.568.562.122	3.568.562.122
Tại ngày cuối kỳ		3.009.002.870	3.009.002.870

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
+ Máy móc thiết bị thuộc xưởng 1		411.240.000
+ Máy móc thiết bị thuộc xưởng 2		411.240.000
+ Máy móc thiết bị thuộc xưởng 3		2.962.605.000
+ Chi phí xây dựng tường rào	236.670.455	236.670.455
+ Chi phí thiết kế công trình	779.146.000	779.146.000
+ Chi phí khảo sát địa chất	59.090.909	59.090.909
+ Chi phí san lấp mặt bằng	1.570.380.311	1.570.380.311
+ Chi phí tư vấn thuê đất Quận 2	139.836.000	139.836.000
+ Mua sắm TSCĐ khác	682.752.508	2.552.395.007
Cộng	3.467.876.183	9.122.603.682

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
12.1 Ngắn hạn	22.128.578.826	21.705.977.123
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.744.551	4.343.802.993
- Chi phí sửa chữa	17.981.340.419	13.624.179.469
- Chi phí in catalog	50.771.000	
- Chi phí khác	4.094.722.856	3.737.994.661
12.2 Dài hạn	7.703.836.160	15.344.363.951
- Vật tư cho xưởng 1	436.356.837	884.756.931
- Vật tư cho xưởng 2	251.780.301	499.505.669
- Vật tư cho xưởng 3	4.063.271.009	8.616.195.565
- Vật tư cho xưởng 4		446.044.220
- Khác	2.952.428.013	4.897.861.566
Cộng	29.832.414.986	37.050.341.074

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

13.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	329.346.839.738	329.346.839.738	787.995.072.699	963.084.494.950	504.436.261.989	504.436.261.989
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM	115.881.387.612	115.881.387.612	266.462.701.316	277.102.486.023	126.521.172.319	126.521.172.319
+ Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Nhơn Trạch	124.333.586.533	124.333.586.533	298.808.614.838	374.284.831.882	199.809.803.577	199.809.803.577
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	74.298.684.626	74.298.684.626	141.873.257.379	157.686.722.587	90.112.149.834	90.112.149.834
+ Ngân hàng China Trust	-	-	12.699.999.856	24.382.887.720	11.682.887.720	11.682.887.720
+ Ngân hàng Huanan TP HCM	7.636.473.312	7.636.473.312	7.659.261.978	30.044.463.142	30.021.674.476	30.021.674.476
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	-	-	31.508.671.773	54.217.595.324	22.708.923.551	22.708.923.551
+ Ngân hàng Shanghai Đồng Nai	-	-	19.602.907.815	39.888.894.516	20.285.986.701	20.285.986.701
+ Ngân hàng Fubon TW	2.103.482.400	2.103.482.400	4.286.432.489	5.476.613.900	3.293.663.811	3.293.663.811
+ Ngân hàng VIB TP.HCM	5.093.225.255	5.093.225.255	5.093.225.255	-	-	-
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	10.323.579.169	10.323.579.169	10.323.767.605	59.251.386.443	59.251.198.007	59.251.198.007
+ Ngân hàng HSBC TP HCM	-	-	8.003.712.146	8.003.712.146	8.003.712.146	8.003.712.146
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	-	-	14.024.789.663	14.024.789.663	14.024.789.663	14.024.789.663
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	-	-	8.550.613.464	8.550.613.464	8.550.613.464	8.550.613.464
+ Ngân hàng Fubon Hà Nội	-	-	19.316.716.437	19.316.716.437	19.316.716.437	19.316.716.437
+ Ngân hàng Shanghai Đồng Nai	10.323.579.169	10.323.579.169	10.323.767.605	9.355.554.733	9.355.366.297	9.355.366.297
Cộng	339.670.418.907	339.670.418.907	798.318.840.304	1.022.335.881.393	563.687.459.996	563.687.459.996

13.2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	6.690.181.879	6.690.181.879	146.254.895	11.185.494.253	17.729.421.237	17.729.421.237
+ Ngân hàng Shanghai Đồng Nai	6.690.181.879	6.690.181.879	146.254.895	11.185.494.253	17.729.421.237	17.729.421.237
Cộng	6.690.181.879	6.690.181.879	146.254.895	11.185.494.253	17.729.421.237	17.729.421.237



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
14.1. Ngắn hạn	207.963.185.426	207.963.185.426	254.076.858.854	254.076.858.854
- Xí Nghiệp Phân Phối Khí Thấp Áp Vũng Tàu	27.085.096.135	27.085.096.135	32.373.474.833	32.373.474.833
- DNTN Bình An	15.469.172.292	15.469.172.292	17.711.822.009	17.711.822.009
- Phải trả các đối tượng khác	165.408.916.999	165.408.916.999	203.991.562.012	203.991.562.012
14.2. Dài hạn				
Cộng	207.963.185.426	207.963.185.426	254.076.858.854	254.076.858.854

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	15.1. Các khoản phải thu			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.880.806.037	6.820.852.250	5.000.000.000	2.059.953.787
Thuế thu nhập cá nhân	381.496	381.496		
Cộng	3.881.187.533	6.821.233.746	5.000.000.000	2.059.953.787
15.2. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	695.078.532	4.123.710.265	4.531.890.669	286.898.128
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.728.074	14.765.812	17.728.074	14.765.812
Thuế thu nhập cá nhân	48.949.240	3.008.872.393	2.949.234.268	108.587.365
Thuế khác		330.984.394	330.984.394	-
Cộng	761.755.846	7.478.332.864	7.829.837.405	410.251.305

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
- Lãi vay	221.128.742	651.296.853
- Dịch vụ đảm bảo chất lượng gạch mài bóng	16.549.574.496	17.519.180.887
- Phí hoa hồng bán hàng	3.933.001.268	1.724.880.040
- Phí sử dụng nhãn hiệu	20.511.000	2.282.461.483
- Phí kiểm toán năm 2016	799.287.500	726.625.000
- Trích trước chi phí tiền điện, tiền vận chuyển, tiền cơm	3.355.117.000	2.693.579.485
- Chi phí phải trả khác	1.917.306.843	1.545.092.426
Cộng	26.795.926.849	27.143.116.174

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
17.1. Ngắn hạn	3.507.954.021	2.718.166.440
- Kinh phí công đoàn	239.436.770	300.478.140
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	317.120	831.833
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.268.200.131	2.416.856.467
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.115.396.978	3.392.190
+ Các khoản tạm thu phải trả	1.121.620.753	2.061.478.274
+ Chi phí nhượng quyền		325.817.503
+ Khác	31.182.400	26.168.500
17.2. Dài hạn	168.000.000	167.999.999
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	168.000.000	167.999.999
Cộng	<u>3.675.954.021</u>	<u>2.886.166.439</u>



Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND						
Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	445.421.280.000	86.520.960.000	(67.240.000)	63.503.605.443	(8.096.954.735)	17.993.601.059	605.275.251.767
Tăng vốn trong năm trước						2.941.525.000	2.941.525.000
Lãi trong năm trước					41.267.367.775	7.124.895	41.274.492.670
Tăng khác				12.600.263.169			12.600.263.169
Giảm vốn trong kỳ							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Chia cổ tức							
Sử dụng quỹ				(12.600.263.169)			(12.600.263.169)
Số dư đầu năm	445.421.280.000	86.520.960.000	(67.240.000)	50.903.342.274	12.600.263.169	20.942.250.954	649.491.269.437
Tăng vốn trong năm	8.907.080.000		(9.474.400)			2.230.000.000	2.220.525.600
Lãi trong năm nay					29.627.582.191		29.627.582.191
Tăng khác				5.090.334.227		(6.874.946)	5.090.334.227
Lỗ trong năm nay							
Chia cổ tức							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Sử dụng quỹ				(5.090.334.227)			(5.090.334.227)
Giảm khác							
Số dư cuối năm	454.328.360.000	86.520.960.000	(76.714.400)	45.813.008.047	12.417.366.898	23.165.376.008	666.739.517.306

Thặng dư vốn cổ phần thể hiện khoản tiền vượt trội thu được từ việc phát hành cổ phiếu mới so với mệnh giá cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của Nhà nước		
Vốn góp của các cổ đông	454.251.645.600	445.354.040.000
Cổ phiếu quỹ	76.714.400	67.240.000
Cộng	454.328.360.000	445.421.280.000

18. c) Các quỹ của Công ty

	31/12/2016	01/01/2016
- Quỹ đầu tư phát triển	45.813.008.047	50.903.342.274
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	12.417.366.898	12.600.263.169
Cộng	58.230.374.945	63.503.605.443

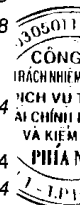
18. d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.432.836	44.542.128
- Cổ phiếu phổ thông	45.432.836	44.542.128
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	7.671	6.724
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.425.165	44.535.404
- Cổ phiếu phổ thông	45.425.165	44.535.404
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	1.554.586,60	5.573.264,11
- Euro (EUR)	24.617,81	33.691,22
- Yên Nhật (JPY)	98.362,00	99.528,00
- Dollar Đài Loan (TWD)	1.983,00	1.983,00



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Trong nước	Nước ngoài	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	925.428.503.503	609.925.165.295	1.535.353.668.798
Doanh thu giữa các bộ phận			
Cộng	925.428.503.503	609.925.165.295	1.535.353.668.798
Kết quả kinh doanh	30.451.693.501	21.533.570.604	51.985.264.105
Doanh thu tài chính	967.740.489	11.662.063.585	12.629.804.074
Chi phí tài chính	27.136.746.028	10.750.608.999	37.887.355.027
Thu nhập khác			10.467.858.198
Chi phí khác			739.246.043
Chi phí thuế TNDN hiện hành			6.835.618.062
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát			(6.874.946)

Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ

29.627.582.191

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Trong nước	Nước ngoài	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	146.373.260.105	67.391.203.768	213.764.463.873
Tài sản không phân bổ			1.072.525.923.706
Tổng tài sản			1.286.290.387.579
Nợ phải trả của bộ phận	159.769.476.012	113.420.793.475	273.190.269.487
Nợ phải trả không phân bổ			346.360.600.786
Tổng nợ phải trả			619.550.870.273

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Hoạt động đầu tư	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận bán ra bên ngoài	1.535.353.668.798		1.535.353.668.798
Tài sản của bộ phận	1.275.290.387.579	11.000.000.000	1.286.290.387.579

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng	1.559.918.025.571	2.099.968.762.501
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	1.559.918.025.571	2.099.968.762.501

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
Chiết khấu thương mại	22.142.342.534	34.375.669.286
Giảm giá hàng bán	448.422.113	521.011.230
Hàng bán bị trả lại	1.973.592.126	1.558.510.679
Cộng	24.564.356.773	36.455.191.195

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp	1.209.356.373.366	1.649.015.958.857
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(70.373.076)	8.373.841
Cộng	1.209.286.000.290	1.649.024.332.698

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	807.636.622	593.592.686
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.881.369.909	20.677.159.421
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.940.797.543	75.895.207
Cộng	12.629.804.074	21.346.647.314

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí lãi vay	22.733.535.891	30.432.517.884
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.758.006.743	43.837.666.858
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.056.402.974	506.861.874
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.339.409.419	5.907.739.054
Cộng	37.887.355.027	80.684.785.670

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí nhân viên	921.786.986	843.648.015
- Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	351.206.049	61.850.000
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	260.475.308	28.427.273
- Chi phí khấu hao TSCĐ	52.036.344	49.201.167
- Chi phí bảo hành	68.620.103	586.641.206
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.421.390.607	159.715.225.303
- Chi phí bằng tiền khác	37.792.858.144	31.372.285.246
Cộng	159.868.373.541	192.657.278.210

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí nhân viên quản lý	25.463.502.341	25.944.442.879
- Chi phí công cụ dụng cụ	38.200.012.694	41.110.319.423
- Chi phí khấu hao TSCĐ		1.560.531
- Thuế, phí, lệ phí	105.710.675	141.683.084
- Chi phí dự phòng	29.829.828	2.115.635.018
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.156.986.011	1.371.652.602
- Chi phí bằng tiền khác	49.257.989.313	53.685.910.960
Cộng	114.214.030.862	124.371.204.497

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.746.957.496	1.921.791.217
- Thuế nhập khẩu được hoàn	6.121.096	7.472.449
- Thu nhập từ hàng mẫu	2.000.775.900	664.396.870
- Phí nhượng quyền thương hiệu	5.714.003.706	2.311.715.191
- Thu nhập khác		
Cộng	10.467.858.198	4.905.375.727

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		21.562.500
- Phí nhượng quyền thương hiệu	739.064.227	664.396.870
- Các khoản bị phạt	147.682	
- Chi phí khác	34.134	319.533.924
Cộng	739.246.043	1.005.493.294

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.835.618.062	748.007.308
Cộng	6.835.618.062	748.007.308

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông	29.627.582.191	41.267.367.775
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	45.425.165	44.535.404
Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	652	927

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	903.725.345.968	1.332.867.307.460
Chi phí nhân công	133.062.198.456	160.171.640.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.378.589.090	118.149.306.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.549.504.424	232.242.267.914
Chi phí khác bằng tiền	79.594.862.186	144.904.265.266
Cộng	1.408.310.500.124	1.988.334.787.319

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

33.1 Thông tin các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Bán hàng	43.028.266.318
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Cho thuê kho	502.866.142
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Mua hàng	2.100.702.995
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Đặt cọc sản xuất gạch	17.879.026.224
Ông CHEN SIN SIANG	Chủ tịch HĐQT	Lương	596.152.630
Ông HSU RONG SHENG	Thành viên HĐQT	Lương	596.152.631
Ông CHEN CHENG JEN	Tổng giám đốc	Lương	599.052.630

Cho đến ngày 31/12/2016, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng	21.658.390.126

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Phải trả tiền hàng	1.701.727.905

33.2. Công cụ tài chính

a. Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản như sau:

Tài sản thế chấp	31/12/2016	01/01/2016
Hàng tồn kho	200.000.000.000	200.000.000.000
Tài sản cố định hữu hình	228.422.457.657	279.077.755.476
Cộng	428.422.457.657	479.077.755.476

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ phải thu thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín tại Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Nhóm Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến dựa theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phải trả cho người bán	207.963.185.426		207.963.185.426
Vay và nợ thuê tài chính	339.670.418.907	6.690.181.879	346.360.600.786
Phải trả người lao động	16.487.474.467		16.487.474.467
Chi phí phải trả	26.795.926.849		26.795.926.849
Phải trả khác	3.507.954.021	168.000.000	3.675.954.021
Cộng	594.424.959.670	6.858.181.879	601.283.141.549

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

d. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

e. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	Đơn vị tính: VND			
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.788.041.201	202.750.847.850	127.788.041.201	202.750.847.850
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.000.000.000		11.000.000.000	
Phải thu khách hàng	129.659.234.277	146.916.191.443	129.659.234.277	146.916.191.443
Phải thu khác	29.813.948.684	34.151.425.101	29.813.948.684	34.151.425.101
Tổng cộng	298.261.224.162	383.818.464.394	298.261.224.162	383.818.464.394
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ thuê tài chính	346.360.600.786	581.416.881.233	346.360.600.786	581.416.881.233
Phải trả người bán	207.963.185.426	254.076.858.854	207.963.185.426	254.076.858.854
Phải trả người lao động	16.487.474.467	18.560.662.489	16.487.474.467	18.560.662.489
Chi phí phải trả	26.795.926.849	27.143.116.174	26.795.926.849	27.143.116.174
Phải trả khác	3.675.954.021	2.886.166.439	3.675.954.021	2.886.166.439
Tổng cộng	601.283.141.549	884.083.685.189	601.283.141.549	884.083.685.189

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Nhóm Công ty cho rằng giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự chênh lệch trọng yếu so với giá trị sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

33.3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

33.4. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33.5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Cheng Jen

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2016

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera
- Căn cứ vào Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty
- Căn cứ vào quá trình hoạt động kiểm soát trong năm 2016.

Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 được tổ chức vào ngày 25/04/2017.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera đã triệu tập 4 cuộc họp định kỳ trong năm 2016 và thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera trong năm 2016. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Kết quả kiểm tra như sau:

1. Về sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

Doanh thu thuần năm 2016: **1.559,9 tỷ đồng**, giảm **25,7%** so với năm 2015

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016: **29,6 tỷ đồng**.

- Tỷ lệ cổ tức: **4%**

Dưới đây là bảng so sánh các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2015 và năm 2016. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.559.918.025.571	2.099.968.762.501
2	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	29.627.582.191	41.267.367.775
3	LNST của công ty mẹ/Doanh thu thuần	1,93%	1,99%
4	LNST của công ty mẹ /Vốn Điều lệ	6,52%	9,26%

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên đã được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty. Các báo cáo này đã được kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam-AASCs) kiểm toán, xác nhận. Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty được Tổng giám đốc báo cáo như đã nêu trên.

2. Phân phối sản phẩm

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, NaUy, Nam Phi, Argentina, Brasil, v.v...

- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

3. Kiểm soát chi phí

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
HSIEH JAN HWANG**



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 109 /BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 25 tháng 01 năm 2017 từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

TP.HỒ CHÍ MINH

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ THẢO

Số Giấy CN ĐKHN KT: 2626-2013-142-1



Số Giấy CN ĐKHN KT: 0479-2013-142-1

29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông CHEN SIN SIANG – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1986 – 2016: Chủ tịch HĐQT công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ THUẬN LỢI

1994 – 2016: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2. Ông HSU RONG SHENG – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

1995 – 2016: Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

2005 – 2016: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

3. Ông CHEN CHENG JEN – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

1983 – 1995: Tổng Giám Đốc công ty CPHH ENGAR

1995 – 2016: Tổng Giám Đốc Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2007 – 2016: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

4. Ông HSU JONG CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1995-2006 : Phó Tổng Giám đốc công ty CPHH CN gốm sứ Chánh Phong.

2005-2016 : Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

5. Ông CHEN WEN CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1996-2006 : Phó giáo sư khoa quản lý học Chung Hua University

2007-2012 : Giáo sư khoa quản lý học Chung Hua University

2008-2016 : Trưởng khoa, giám đốc khoa quản lý học Chung Hua University

2012-2016: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

6. Ông CHEN JO YUAN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

2006-2008 : kỹ sư XSTREAM Technology corp.

2008-2009: kỹ sư Wison Technology corporation

2009-2010: kỹ sư Quanta Computer Inc

2010-2015: kỹ sư HTC

2013-2016: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông HSIEH JAN HWANG – Trưởng Ban kiểm soát

2006-2016 : CFO tài chính Công ty VEDAN-VN.

2013-2016: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2. Ông CHENG YEU CHYI – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

2006-2009 : Giám đốc BP quản lý công ty gốm sứ Chánh Phong

2010-2016 : Giám đốc NCKT Unictron Technologies Corp

2013-2016: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

3. Ông CHIEN SU CHEN – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

1995-2016 : Kế toán Công ty Chen Shi

2013-2016: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

- 1. Ông CHEN CHENG JEN – Tổng giám đốc (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)**
- 2. Ông PENG SHIH TING – Phó Tổng giám đốc Sản xuất**

Quá trình công tác:

1986 – 1996: Phó Giám đốc Sản xuất ngành Gạch gốm Kiên Tín-Đài Loan

1996 – 2016: Giám đốc BP Sản xuất Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần niêm yết:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Đã lưu ký:	3,096	10,193,422	22.44%
	Trong đó:			
<i>1</i>	<i>Trong nước:</i>	<i>2,983</i>	<i>5,229,388</i>	<i>11.51%</i>
	Cá nhân:	2,937	5,220,896	11.49%
	Tổ chức:	46	8,492	0.02%
<i>2</i>	<i>Nước ngoài:</i>	<i>113</i>	<i>4,964,034</i>	<i>10.93%</i>
	Cá nhân:	105	4,282,659	9.43%
	Tổ chức:	8	681,375	1.50%
II	Chưa lưu ký:	277	179,768	0.40%
	Trong đó:			
<i>1</i>	<i>Trong nước:</i>	<i>263</i>	<i>60,956</i>	<i>0.13%</i>
	Cá nhân:	262	53,356	0.12%
	Tổ chức:	1	7,600	0.02%
<i>2</i>	<i>Nước ngoài:</i>	<i>14</i>	<i>118,812</i>	<i>0.26%</i>
	Cá nhân:	8	12,716	0.03%
	Tổ chức:	6	106,096	0.23%
3	Cộng	3,373	10,373,190	22.83%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**2. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần chưa niêm yết:**

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<i>1</i>	<i>Trong nước:</i>	<i>1</i>	<i>94</i>	<i>0.00%</i>
	Cá nhân:	-	-	-
	Tổ chức:	1	94	0.00%
<i>2</i>	<i>Nước ngoài:</i>	<i>21</i>	<i>35,059,552</i>	<i>77.17%</i>
	Cá nhân:	18	13,405,492	29.51%
	Tổ chức:	3	21,654,060	47.66%
3	Cộng	22	35,059,646	77.17%

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CHEN SIN SIANG